

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN THU HIỀN

HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH KHỞI KIẾN VÀ THỤ LÝ  
VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG  
DÂN SỰ VIỆT NAM

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Ư

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Lê Thu Hà

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn  
tại Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung  
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH KHỞI KIỆN VÀ THỦ TỤC VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM</b>	6		
1.1. Khái niệm về chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam	6		
1.1.1. Khái niệm tố tụng dân sự	6		
1.1.2. Khái niệm vụ án dân sự	7		
1.1.3. Khái niệm và đặc điểm của chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam	8		
1.1.3.1. Khái niệm	8		
1.1.3.2. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự đối với toàn quá trình tố tụng dân sự	10		
1.2. Lược sử hình thành và phát triển của chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự	11		
1.2.1. Sự hình thành và phát triển của chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự thế giới	11		
1.2.2. Sự hình thành và phát triển của chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam	16		
<b>Chương 2: KHỞI KIỆN VÀ THỦ TỤC VỤ ÁN DÂN SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH</b>	24		
2.1. Khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành	24		
2.1.1. Khái niệm khởi kiện vụ án dân sự	24		
2.1.2. Thủ tục khởi kiện vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự hiện hành	25		
2.1.2.1. Điều kiện khởi kiện vụ án dân sự	25		
2.1.2.2. Phạm vi khởi kiện vụ án dân sự	47		
2.1.2.3. Hình thức và thủ tục khởi kiện	48		
2.2. Thủ tục vụ án dân sự theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành	50		
2.2.1. Khái niệm thủ tục vụ án dân sự	50		
2.2.2. Thủ tục thủ tục vụ án dân sự	50		
2.2.2.1. Nhận đơn khởi kiện	50		
2.2.2.2. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện	51		
2.2.2.3. Xác định tiền tạm ứng án phí và thông báo cho người khởi kiện	52		
2.2.2.4. Vào sổ thủ tục vụ án dân sự	52		
2.2.3. Trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự	52		
2.2.3.1. Những trường hợp tòa án trả lại đơn khởi kiện	52		
2.2.3.2. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện	54		
<b>Chương 3: NHỮNG BẤT CẬP TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH KHỞI KIỆN VÀ THỦ TỤC VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM</b>	56		
3.1. Những bất cập về khởi kiện vụ án dân sự	56		
3.1.1. Bất cập về vấn đề trả lại đơn khởi kiện	56		
3.1.2. Bất cập trong việc xác định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự	59		
3.1.3. Bất cập trong việc khởi kiện vụ án ly hôn với người mất tích	72		
3.1.4. Nhung bất cập về thẩm quyền của Tòa án	75		
3.1.4.1. Việc xác định Tòa án giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận của các đương sự (Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự)	75		
3.1.4.2. Về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn (điểm c khoản 1 Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự)	76		
3.1.5. Bất cập trong việc phân biệt địa vị tố tụng của hai chủ thể quyền khởi kiện là "cơ quan" và "tổ chức"	77		
3.1.6. Bất cập trong việc xác định những tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự	80		
3.2. Những bất cập về thủ tục vụ án dân sự	84		
3.3. Phương hướng hoàn thiện chế định khởi kiện và thủ tục vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam	86		
3.3.1. Bổ sung thêm những quy định về khởi kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	88		
3.3.2. Bổ sung thêm quy định về chủ thể có quyền khởi kiện trong vụ án sở hữu trí tuệ	90		
3.3.3. Bổ sung những quy định về khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về môi trường	92		
3.3.4. Hoàn thiện chế định về chứng cứ, chứng minh trong tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho người dân thực hiện được	94		

quyền khởi kiện của mình	
<b>KẾT LUẬN</b>	97
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	98

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Quyền dân sự là một quyền năng cơ bản mà pháp luật thừa nhận đối với các chủ thể trong giao lưu dân sự. Trong quá trình tham gia các giao lưu dân sự thì quyền năng này thường hay bị xâm phạm, làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có quyền không được bảo đảm. Để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể pháp luật có quy định những biện pháp bảo đảm quyền của chủ thể bằng những biện pháp hình sự, hành chính... Nhưng đặc biệt hơn cả trong các biện pháp bảo vệ đó là biện pháp khởi kiện vụ án dân sự theo trình tự tố tụng dân sự. Theo đó, các chủ thể giả thiết có quyền dân sự bị xâm phạm có quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự yêu cầu toà án giải quyết nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Mặc dù, việc bảo vệ quyền dân sự bằng biện pháp khởi kiện dân sự được ghi nhận là biện pháp hữu hiệu và có tính khả thi cao. Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 15/06/2004, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2005 với chế định khởi kiện và thụ lý được kế thừa và đánh dấu bước phát triển lập pháp hoàn thiện hơn trong luật. Tuy nhiên, trong thực tế các chủ thể thực hiện quyền khởi kiện gặp rất nhiều khó khăn mà xuất phát từ thực trạng còn thiếu vắng các quy định của pháp luật. Ngay chính các quy định của BLTTDS về khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự mặc dù đã được sửa đổi cụ thể song còn tồn tại những quy định chung chung, còn có những khoảng trống trong luật chưa được điều chỉnh cụ thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật không được thống nhất trong thực tiễn xét xử. Chính từ thực trạng đó đòi hỏi phải nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và đầy đủ về chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam. Với những lý do đó, việc nghiên cứu đề tài "**Hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**" có ý nghĩa khoa học và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học pháp lý từ trước đến nay, ở nước ta chế định khởi kiện vụ án dân sự không phải là vấn đề mới, đã có một số công trình nghiên cứu

chuyên sâu và có hệ thống về chế định này, nhưng hầu hết là các công trình được nghiên cứu trước thời điểm BLTTDS được ban hành. Ở những khía cạnh khác nhau, đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến thủ tục này đã được một số tác giả đề cập đến như: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường về "*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện một số chế định cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*" của Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2002. Cũng như một vài khóa luận tốt nghiệp của sinh viên trường Đại học Luật Hà Nội năm 2004 và 2006.

Tuy vậy, các công trình trên mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu một cách khái quát về từng khía cạnh của chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự, tiếp cận dưới một vài góc độ của chế định này theo quy định của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự... và tiếp cận một cách riêng lẻ mà chưa có sự liên kết giữa hai chế định khởi kiện và thụ lý trong một đề tài nghiên cứu khoa học thống nhất. Với tình hình trên, đề tài "**Hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**", lần đầu tiên được nghiên cứu ở một cách chuyên sâu, toàn diện, đầy đủ và bảo đảm được tính lôgic, hệ thống, không có sự trùng lặp với các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố.

### 3. Mục đích, nhiệm vụ của luận văn

#### \* Mục đích của việc nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu đề tài làm thực hiện mục đích:

*Một là*, làm sáng tỏ cơ sở lý luận về chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam, tìm hiểu thực tế áp dụng chế định này trong hoạt động giải quyết các tranh chấp dân sự tại các Tòa án nhân dân (TAND).

*Hai là*, chỉ ra những điểm còn thiếu hoặc chưa hợp lý trong quy định của pháp luật tố tụng dân sự về chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự, từ đó đề xuất một số kiến nghị góp phần hoàn thiện chế định này trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam.

#### \* Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để thực hiện được mục tiêu này, luận văn phải hoàn thành một số nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu một cách đầy đủ và có hệ thống các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam;

- Nghiên cứu và phân tích khái niệm, bản chất, đặc điểm về thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự để làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về thủ tục này trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam;

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự. Do quá trình áp dụng pháp luật của Việt Nam hiện nay còn rất nhiều bất cập và hạn chế, nên đã làm cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể gặp nhiều khó khăn, nhiều trường hợp quyền của chủ thể không thực hiện được. Việc nghiên cứu đề tài này chỉ ra những nội dung, những vấn đề còn thiếu sót, chưa phù hợp. Từ đó, luận giải về yêu cầu hoàn thiện quy định của pháp luật về thủ tục khởi kiện và thụ lý trong tố tụng dân sự Việt Nam, đồng thời đề ra các giải pháp để hoàn thiện các quy định này.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu của đề tài:* Nghiên cứu các quy định chung của Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành về thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự. Tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật về vấn đề này của TAND.

*Phạm vi nghiên cứu:* Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ Luật học, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các quy định chung về thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự theo quy định của BLTTDS Việt Nam, các nghiên cứu tập trung chủ yếu đối với đặc thù của việc khởi kiện, thụ lý vụ án dân sự. Luận văn có đề cập nghiên cứu một số quy định của Pháp luật tố tụng dân sự nước ngoài, một số quy định của pháp luật tố tụng về khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trước thời điểm BLTTDS được ban hành. Tuy nhiên, cách tiếp cận về các vấn đề này chỉ là cơ sở để so sánh, nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và hệ thống về thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự theo quy định của BLTTDS Việt Nam.

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu nói trên, việc nghiên cứu được tiến hành dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng và Nhà nước

ta về quản lý nhà nước, quản lý xã hội cũng như chủ trương, quan điểm về việc xây dựng BLTTDS.

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: Phân tích, tổng hợp, lôgic, lịch sử, quy nạp, khảo sát thăm dò lấy ý kiến trong phạm vi những người làm công tác thực tiễn, sử dụng kết quả thống kê... nhằm làm sáng tỏ các vấn đề trong nội dung luận văn.

#### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

Luận văn là một công trình nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về cơ sở lý luận và thực tiễn của thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam. Luận văn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sau đây:

*Thứ nhất:* Lần đầu tiên thủ tục khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của BLTTDS Việt Nam được nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện cả trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Những vấn đề đặc thù của việc khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự so với việc khởi kiện thụ lý vụ án kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân gia đình cũng được nghiên cứu và đề cập một cách khái quát nhất.

*Thứ hai:* Quá trình nghiên cứu, đề tài tìm ra những tồn tại trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật về thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam. Từ những đánh giá toàn diện, kết quả nghiên cứu của đề tài đề xuất các kiến nghị để góp phần hoàn thiện các quy định của Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Luận văn là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc, trong một chừng mực nhất định có thể làm tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu chuyên sâu về tố tụng dân sự và cho các cán bộ làm công tác thực tiễn (Thẩm phán, Luật sư, Trợ giúp viên...) trong việc hiểu biết một cách sâu sắc, đầy đủ và vận dụng đúng đắn các quy định của pháp luật khi áp dụng chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam.

#### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự thế giới và Việt Nam.

*Chương 2:* Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

*Chương 3:* Thực tiễn áp dụng và giải pháp hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam.

## **Chương 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH KHỞI KIẾN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM**

#### **1.1. Khái niệm về chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**

##### **1.1.1. Khái niệm tố tụng dân sự**

Tố tụng dân sự là trình tự mà pháp luật quy định cho phép chủ thể pháp luật dân sự được khởi kiện ra tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm hại.

Theo quy định tại Điều 1 BLTTDS 2004, sửa đổi bổ sung 2011 thì tố tụng dân sự bao gồm việc khởi kiện, hòa giải, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm và thi hành bản án, quyết định của tòa án.

##### **1.1.2. Khái niệm vụ án dân sự**

Theo Điều 1 BLTTDS 2004 thì vụ án dân sự gồm: các tranh chấp về dân sự; các tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các tranh chấp về kinh doanh, thương mại; các tranh chấp về lao động. Và vụ việc dân sự bao gồm: các yêu cầu về dân sự; các yêu cầu về hôn nhân và gia đình; các yêu cầu về kinh doanh, thương mại và các yêu cầu về lao động. Việc liệt kê loại việc nào được xác định là vụ án dân sự và loại việc nào được xác định là vụ việc dân sự trong BLTTDS 2004 đã tương đối đầy đủ và chi tiết như tại Điều 1 BLTTDS 2004 đã ghi nhận: "Bộ luật tố tụng dân sự quy định những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng dân sự, trình tự, thủ tục khởi kiện để Tòa án giải

quyết các vụ án tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là vụ án dân sự) và trình tự, thủ tục yêu cầu để Tòa án giải quyết các việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là việc dân sự)".

#### **1.1.3. Khái niệm và đặc điểm của chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam**

##### **1.1.3.1. Khái niệm**

- Khái niệm khởi kiện vụ án dân sự: Trên cơ sở những quy định của pháp luật, chúng ta có thể thấy quyền khởi kiện vụ án dân sự là một quyền tố tụng quan trọng của chủ thể. Nó cho phép cá nhân, cơ quan, tổ chức và chủ thể khác thực hiện hành vi khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Từ đây, chúng ta có thể đưa ra khái niệm khởi kiện vụ án dân sự như sau: "Khởi kiện vụ án dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc chủ thể khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nộp đơn yêu cầu tòa án có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hay của người khác".

- Khái niệm thụ lý vụ án dân sự: Thụ lý vụ án dân sự là việc tòa án nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện và vào sổ thụ lý vụ án dân sự để giải quyết.

- Khái niệm chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự: Tố tụng dân sự là cả một quá trình bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau như khởi kiện, lập hồ sơ, hòa giải... trong đó khởi kiện và thụ lý là bước đầu tiên mở đầu cho những giai đoạn tố tụng sau đó. Chúng ta có thể hiểu chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa tòa án và nguyên đơn hoặc đại diện của nguyên đơn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

##### **1.1.3.2. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự đối với toàn quá trình tố tụng dân sự**

Khởi kiện vụ án dân sự là hành vi pháp lý đầu tiên của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, là cơ sở pháp lý phát sinh quan hệ tố tụng dân sự;

Việc xác định thời hạn xử lý cũng là một trong những căn cứ để xác định thời hạn tố tụng của các giai đoạn tiếp theo.

## **1.2. Lược sử hình thành và phát triển của chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự**

### **1.2.1. Sự hình thành và phát triển của chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tổ tụng dân sự thế giới**

*\* Hệ thống pháp luật tư sản*

*- Hệ thống Commonlaw*

Có thể nói những quy định về thủ tục tố tụng trong hệ thống pháp luật Common law là cốt lõi của hệ thống luật này. Ngay từ thời kỳ 1066 - 1485 những quy định về vấn đề khởi kiện đã được quy định rất chặt chẽ. Nếu một người muốn gửi đơn kiện đến tòa án Hoàng gia, anh ta phải tới Ban thư ký của nhà vua (còn gọi là Chancery), mà ngoài những chức năng còn thực hiện vai trò là văn phòng của Tòa án hoàng gia. Sau khi đóng một loại phí, người đi kiện sẽ được Văn phòng cấp cho một loại giấy - "Trát" nhân danh đức vua ra lệnh cho bên bị đơn hoặc phải tuân thủ theo các yêu cầu của bên nguyên hoặc bị xét xử và tuân thủ phán quyết. "Trát" này nêu rõ các cơ sở pháp lý mà bên nguyên đưa ra cho vụ việc của mình và chỉ có giá trị pháp lý dựa trên những cơ sở cụ thể đó.

*- Hệ thống Civil law*

Đây là hệ thống pháp luật có nền tảng bắt nguồn từ hệ thống pháp luật của Pháp - Đức và pháp luật của một số nước lục địa Châu Âu. Những quy định về tố tụng dân sự được xây dựng trên nền tảng quy định về pháp luật tố tụng của luật La mã tại chương VIII- Chương Kiện. Theo đó, việc khởi kiện nguyên đơn nằm trong giai đoạn một của thủ tục tố tụng. Giai đoạn này được bắt đầu từ khi khởi kiện và kết thúc nếu bị đơn thừa nhận hoặc không thừa nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải đưa đơn kiện ra pháp quan thì pháp quan mới tiếp nhận đơn kiện và thông báo cho bị đơn biết về việc mình bị kiện để họ có ý kiến phản hồi lại đơn kiện của nguyên đơn.

*\* Hệ thống pháp luật Hồi giáo*

Pháp luật Hồi giáo được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản, các trụ cột của đạo Hồi và các phong tục tập quán của người Hồi giáo. Việc khởi kiện tại các nước Hồi giáo không phải là một biện pháp bảo đảm quyền dân

sự hợp pháp của chủ thể pháp luật mà đó là sự bảo đảm tính tôn nghiêm của giáo lý đạo Hồi trong đời sống dân sự thường nhật. Chỉ có việc một người không thực hiện đúng những răn dạy của giáo lý đạo Hồi thì bị xử phạt theo những quy định trong kinh thánh hoặc trong pháp luật. Chứ không phải là việc một người bị tòa án xét xử vì anh ta đã có hành động xâm phạm đến quyền dân sự hợp pháp của chủ thể khác.

### **1.2.2. Sự hình thành và phát triển của chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**

*\* Giai đoạn trước cách mạng tháng 8/1945*

*- Thời kỳ Lý - Trần - Hồ*

Thời đại triều Lý (1010 - 1225) mở ra một giai đoạn mới của lịch sử dân tộc và dưới triều Lý đã có pháp luật thành văn. Do đó, nền pháp luật thành văn đầu tiên của dân tộc ta là nền pháp luật nhà Lý. Mặc dù còn sơ khai nhưng cách thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ các lĩnh vực của đời sống xã hội đã được pháp luật nhà Lý quy định, việc khởi kiện để giải quyết các tranh chấp dân sự, các oan ức đã được thể hiện trong các Chiếu, Đạo dụ của nhà vua.

*- Thời kỳ Lê sơ*

Tố tụng là một trong những lĩnh vực được chú trọng, phát triển và đạt được nhiều thành tựu trong thời kỳ này. Theo Lịch triều hiến chương loại chí, ngay sau khi lên ngôi năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lê Thái Tổ đã sai các đại thần bàn định luật lệ về việc kiện tụng. Tuy nhiên, đại diện tiêu biểu cho pháp luật tố tụng của triều Lê là Bộ Quốc triều hình luật và Bộ Quốc triều khám tụng điều lệ. Bộ Quốc triều hình luật của Nhà Lê không chỉ quy định về pháp luật nội dung mà còn là bộ luật đầu tiên quy định khá chi tiết về thủ tục tố tụng.

*- Thời kỳ triều Nguyễn (1802-1884)*

Các triều đại vua Nguyễn từ vua Gia Long đến vua Tự Đức đều quan tâm đến việc xây dựng pháp luật và chú trọng đến việc áp dụng luật trong thực tiễn. Hoạt động lập pháp của triều Nguyễn cũng đã đạt được những thành tựu đáng nể, tiêu biểu nhất là sự ra đời của bộ Hoàng Việt Luật Lệ (Bộ luật Gia Long).

+ Về thừa kiện (khởi kiện)

Được quy định từ Điều 301 đến Điều 311.

+ Về thụ lý

Luật Gia Long quy định: "Các quan khi nhận đơn thừa kiện phải làm rõ vụ việc, nhanh chóng thụ lý. Nếu quan bỏ qua sẽ bị trừng phạt căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vụ việc" như không thụ lý về các việc đánh người, hôn nhân, ruộng đất thì xử từ 60 đến 80 trượng; nếu là việc ác nghịch như con cháu mưu giết ông bà cha mẹ mà quan không xử lý thì phạt 100 trượng; nếu là việc mưu phản đại nghịch mà quan không thụ lý, không sai bắt dẹp ngay thì xử phạt 100 trượng đó trong 03 năm...

- *Thời kỳ Pháp thuộc (1858 -1945)*

Các Tòa án Pháp tại Việt Nam được thiết lập ở Nam Kỳ, ba thành phố nhượng địa của Pháp (Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng) và hai thành phố khác là Nam Định, Vinh, các Tòa án Pháp tại Việt Nam để giải quyết những vụ kiện mà đương sự là người Pháp hay đồng hóa với Pháp hoặc người nước ngoài được ưu đãi như người Pháp và áp dụng các quy định của Bộ Dân sự Tố tụng Pháp năm 1806.

Ở Bắc Kỳ, thủ tục giải quyết các vụ kiện dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự thương sự, tố tụng Bắc Kỳ và Bộ Bắc Kỳ pháp viện biên chế (công bố bằng nghị định ngày 2/12/1921). Ở Trung Kỳ, thủ tục giải quyết các vụ kiện dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự thương sự, tố tụng Trung kỳ và Bộ Trung kỳ pháp viện biên chế được ban hành vào năm 1935.

\* *Giai đoạn từ năm 1945 đến nay*

Hệ thống tòa án trong giai đoạn này tiến hành hoạt động giải quyết vụ án dân sự, ngoài các quy định trong Luật Tổ chức TAND, còn một số văn bản do Tòa án tối cao ban hành. Nếu như ở những năm trước 1960, hoạt động tố tụng giải quyết án dân sự của hệ thống tòa án chủ yếu dựa trên những sắc lệnh của Chủ tịch nước ban hành thì từ những năm 1960 trở đi, sau khi TANDTC được thành lập, các văn bản tố tụng là cơ sở cho hoạt động giải quyết vụ án dân sự là các công văn, chỉ thị, điều lệ và đặc biệt là các thông tư do TANDTC ban hành.

## **Chương 2**

### **KHỞI KIẾN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH**

#### **2.1. Khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành**

##### **2.1.1. Khái niệm khởi kiện vụ án dân sự**

Và theo cách định nghĩa về khởi kiện tại Điều 161 BLTTDS năm 2004 thì khởi kiện được hiểu là việc chủ thể pháp luật thực hiện quyền dân sự của mình để yêu cầu tòa án giải quyết vụ việc cụ thể theo trình tự tố tụng dân sự, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể pháp luật, trong trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp bị chủ thể pháp luật khác xâm phạm.

##### **2.1.2. Thủ tục khởi kiện vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự hiện hành**

###### **2.1.2.1. Điều kiện khởi kiện vụ án dân sự**

###### **a) Chủ thể có quyền khởi kiện vụ án dân sự**

Theo Khoản 1 Điều 161 BLTTDS năm 2004 thì chủ thể thực hiện quyền khởi kiện gồm: "Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình". Như vậy, chủ thể của quyền khởi kiện được thừa nhận trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam có thể phân chia thành các nhóm chủ thể như sau:

Nhóm chủ thể thứ nhất: Các chủ thể có quyền khởi kiện do quyền lợi của họ bị tranh chấp hoặc vi phạm;

Nhóm chủ thể thứ hai: Các chủ thể có quyền khởi kiện nhưng họ không có quyền lợi liên quan trong vụ kiện (nhóm chủ thể có quyền khởi kiện vì quyền, lợi ích hợp pháp của người khác).

\* *Nhóm chủ thể thứ nhất:* Các chủ thể có quyền khởi kiện do quyền lợi của họ bị tranh chấp hoặc vi phạm;

Về cơ bản, Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005 thừa nhận duy nhất hai loại quan hệ dân sự cơ bản là quan hệ về tài sản và quan hệ về nhân thân,



nên quyền khởi kiện của các chủ thể trong trường hợp quyền lợi của họ bị tranh chấp hoặc vi phạm có sự khác nhau do tính chất của quan hệ về tài sản và quan hệ về nhân thân khác nhau. Vì vậy, quyền khởi kiện của các chủ thể khi quyền lợi của họ bị tranh chấp có thể phân chia thành những nhóm quyền nhỏ khác nhau như sau:

*- Quyền khởi kiện của chủ thể trong quan hệ tài sản*

Khi bên có nghĩa vụ đã không thực hiện nghĩa vụ của mình dẫn tới bên chủ thể có quyền phải can thiệp của công lý để buộc bên có nghĩa vụ phải thi hành nghĩa vụ của họ thì lúc này chủ thể có quyền trong quan hệ nghĩa vụ sẽ trở thành chủ thể có quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự. Các nghĩa vụ này có thể có nguồn gốc từ hợp đồng, hoặc do pháp luật quy định như hành vi pháp lý đơn phương, gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật, thực hiện công việc không có ủy quyền. Do vậy, khi chủ thể mang quyền trong các quan hệ về hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng hoặc các quan hệ khác về nghĩa vụ thực hiện việc khởi kiện thì họ sẽ trở thành nguyên đơn dân sự trong vụ kiện.

*- Quyền khởi kiện của chủ thể trong quan hệ nhân thân*

Thông thường quyền này gắn liền với những cá nhân nhất định là chủ thể của quan hệ nhân thân. Cụ thể, nguyên đơn trong vụ kiện yêu cầu ly hôn là vợ hoặc người chồng; người có yêu cầu trong việc hủy hôn nhân trái pháp luật, không công nhận quan hệ vợ chồng chỉ thuộc về các bên có quan hệ hôn nhân; người yêu cầu với tư cách là đương sự trong việc chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi là người con nuôi đã thành niên hoặc cha, mẹ nuôi; nguyên đơn trong vụ kiện xác định cha, mẹ cho con là người con và ngược lại; nguyên đơn là người cha, người mẹ trong vụ kiện xác định con cho cha, mẹ; người con chưa thành niên là đương sự với tư cách người có yêu cầu trong việc yêu cầu hạn chế quyền của mẹ, cha đối với con chưa thành niên.

*- Quyền khởi kiện của chủ thể thế quyền*

Về khoa học pháp lý, trong các quan hệ về tài sản, chủ thể của quan hệ nghĩa vụ là không thể thay đổi, cũng như không thể chuyển giao cho người khác. Tuy nhiên, thực tiễn đã xuất phát một số các trường hợp ngoại lệ, liên

quan tới việc chuyển quyền theo quy định của pháp luật dân sự. Mà từ đó, pháp luật cho phép bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự có thể chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền. Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu và có thể đứng đơn kiện với tư cách là nguyên đơn dân sự để yêu cầu bên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ.

*- Quyền khởi kiện của các chủ thể nhận thừa kế quyền*

Việc kế thừa các quyền và nghĩa vụ trong các quan hệ tài sản được đặt ra đối với các trường hợp hợp nhất pháp nhân, sáp nhập pháp nhân, chia tách pháp nhân (các điều 94, 95, 96 BLDS năm 2005).

*- Quyền khởi kiện của chủ thể mang quyền đối với người thứ ba*

Theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự hiện nay thì, trong trường hợp cần xác định quyền sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung với người khác mà các bên không thỏa thuận được thì người được thi hành án có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài của người phải thi hành án.

\* *Nhóm chủ thể thứ hai:* Các chủ thể có quyền khởi kiện nhưng họ không có quyền lợi liên quan trong vụ kiện (nhóm chủ thể có quyền khởi kiện vì quyền, lợi ích hợp pháp của người khác).

*- Quyền khởi kiện với tư cách là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*

Về nguyên tắc chủ thể có quyền lợi trong vụ kiện đã thực hiện việc khởi kiện hay được người khác khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho họ được coi là nguyên đơn. Người khởi kiện để bảo vệ quyền lợi ích của người khác, tùy trường hợp sẽ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật hay đại diện theo ủy quyền.

*- Quyền khởi kiện của các chủ thể không có quyền lợi trong vụ việc với tư cách nguyên đơn*

Về nguyên tắc, nguyên đơn phải là chủ thể được giả thiết có quyền lợi bị tranh chấp hay vi phạm. Tuy nhiên, luật thực định thừa nhận quyền khởi kiện vụ án dân sự của các cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình để bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh

vực mình phụ trách và tư cách nguyên đơn của các chủ thể này (các điều 56, 162 BLTTDS).

*b) Vụ án được khởi kiện phải thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án*

- Vụ án mà họ khởi kiện thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của tòa án quy định tại Điều 25, 27, 29 và 31 BLTTDS.

- Vụ án được khởi kiện phải đúng thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ quy định tại Điều 35 BLTTDS. Theo đó, thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án theo lãnh thổ được xác định như sau:

- Đối với những việc pháp luật quy định phải yêu cầu cơ quan khác giải quyết trước thì chủ thể khởi kiện chỉ được khởi kiện vụ án khi các cơ quan hữu quan đã giải quyết mà họ không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan đó.

*c) Sự việc chưa được giải quyết bằng một bản án hay quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.*

Nếu sự việc đã được tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết bằng một bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương sự không được khởi kiện vụ án nữa, trừ những trường hợp sau:

- Bản án, quyết định của tòa án bác đơn xin ly hôn;

- Yêu cầu xin thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại;

- Vụ án đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà tòa án chưa chấp nhận yêu cầu do chưa đủ điều kiện khởi kiện;

- Các trường hợp khác pháp luật quy định.

*d) Vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện*

Điều 159 BLTTDS quy định thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện yêu cầu tòa giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Như vậy, thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà đương sự được quyền yêu cầu cơ quan tòa án giải quyết vụ việc nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Quy

định về thời hiệu khởi kiện buộc các đương sự phải ý thức được việc bảo vệ quyền lợi của mình và sớm có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tránh tình trạng khởi kiện tùy hứng.

*2.1.2.2. Phạm vi khởi kiện vụ án dân sự*

Phạm vi khởi kiện vụ án dân sự là giới hạn những vấn đề khởi kiện trong một vụ án dân sự.

Theo Điều 163, phạm vi khởi kiện được xác định như sau:

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể khởi kiện đối với một hoặc nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về một hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan đến nhau trong cùng một vụ án;

- Nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể cùng khởi kiện đối với một cá nhân, một cơ quan, một tổ chức khác về một hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan đến nhau trong cùng một vụ án.

*2.1.2.3. Hình thức và thủ tục khởi kiện*

*a) Hình thức khởi kiện vụ án dân sự*

Vụ án dân sự phát sinh chủ yếu là do cá nhân, pháp nhân thực hiện quyền khởi kiện của mình bằng việc nộp đơn khởi kiện tại tòa án.

*b) Việc gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự*

Theo quy định tại Điều 166 BLTTDS, người khởi kiện vụ án gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức sau:

- Nộp trực tiếp tại tòa án;

- Gửi đến tòa án qua bưu điện.

Ngày khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại tòa án hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

**2.2. Thủ lý vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành**

*2.2.1. Khái niệm thủ lý vụ án dân sự*

Theo các Điều 167, Điều 168 BLTTDS 2004, sau khi nhận được đơn khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo, tòa án phải vào sổ nhận đơn và

xem xét. Trong trường hợp nhận thấy vụ án thuộc thẩm quyền của mình thì tòa án phải báo cho người khởi kiện biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Sau khi người khởi kiện nộp cho tòa biên lai nộp tiền tạm ứng án phí thì tòa án quyết định nhận giải quyết và vào sổ thụ lý vụ án dân sự. Các hoạt động đó của tòa án được gọi là thụ lý vụ án dân sự. Như vậy, có thể hiểu, thụ lý vụ án dân sự là việc tòa án nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện và vào sổ thụ lý vụ án dân sự để giải quyết.

## **2.2.2. Thủ tục thụ lý vụ án dân sự**

### **2.2.2.1. Nhận đơn khởi kiện**

Tại Điều 167 BLTTDS năm 2004 quy định: "Thủ tục nhận đơn khởi kiện:

Tòa án phải nhận đơn khởi kiện do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi qua đường bưu điện và phải ghi vào sổ nhận đơn. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau đây:

1. Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;
2. Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;
3. Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án".

### **2.2.2.2. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện**

Theo quy định tại Điều 169 BLTTDS 2004, trong trường hợp đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 164 BLTTDS thì tòa án thông báo cho người khởi kiện biết để họ sửa đổi, bổ sung trong một thời hạn do tòa án ấn định nhưng không quá 30 ngày; trong trường hợp đặc biệt, tòa án có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Trong trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định của BLTTDS thì tòa án tiếp tục thụ lý vụ án; nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của tòa án thì toàn án trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

### **2.2.2.3. Xác định tiền tạm ứng án phí và thông báo cho người khởi kiện**

Điều 171 BLTTDS 2004 quy định, sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án thì tòa án phải xác định tiền tạm ứng án phí và thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ đến tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Tòa án dự tính số tiền tạm ứng, ghi vào phiếu báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí.

### **2.2.2.4. Vào sổ thụ lý vụ án dân sự**

Khi người khởi kiện nộp cho tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí thì tòa án quyết định thụ lý vụ án và vào sổ thụ lý vụ án dân sự.

Trong trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí thì tòa án phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo.

## **2.2.3. Trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự**

### **2.2.3.1. Những trường hợp tòa án trả lại đơn khởi kiện**

Khi xem xét thụ lý vụ án, nếu thấy việc khởi kiện chưa đáp ứng đủ các điều kiện khởi kiện nên không thể thụ lý được vụ án thì tòa án trả lại đơn khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo cho người khởi kiện. Khi trả lại đơn khởi kiện, tòa án phải có văn bản kèm theo ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện.

### **2.2.3.2. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện**

Theo quy định tại điều 170 BLTTDS, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo do tòa án trả lại, người khởi kiện có quyền khiếu nại với chánh án tòa án đã trả lại đơn khởi kiện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện, chánh án tòa phải giải quyết khiếu nại. Tùy trường hợp Chánh án tòa án quyết định giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện hoặc nhận lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ để thụ lý vụ án dân sự.

### *Chương 3*

## **NHỮNG BẤT CẬP TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH KHỞI KIỆN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM**

### **3.1. Những bất cập về khởi kiện vụ án dân sự**

#### **3.1.1. Bất cập về vấn đề trả lại đơn khởi kiện**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 BLTTDS năm 2004, sửa đổi bổ sung 2011, thì: "Trả lại đơn cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án".

Vấn đề nữa đặt ra là Quyết định trả lại đơn khởi kiện của có bị kháng cáo, kháng nghị hay không? Sau khi cấp sơ thẩm đã giải quyết việc khiếu nại nhưng thì người khởi kiện có quyền khiếu nại tiếp theo hay không? Và ai sẽ là người giải quyết khiếu nại đó? Trình tự, thủ tục giải quyết như thế nào?

#### **3.1.2. Bất cập trong việc xác định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự**

- Vấn đề bất cập trong việc áp dụng các văn bản pháp luật về thời gian để tính thời hiệu khởi kiện.

- Vấn đề bất cập trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật về phương pháp để tính thời hiệu khởi kiện.

- Vấn đề bất cập trong cách tính thời hạn.

- Vấn đề bất cập trong cách tính thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện.

- Vấn đề bất cập trong việc áp dụng quy định về bắt đầu lại thời kiện khởi kiện vụ án dân sự.

- Vấn đề bất cập trong việc mất thời hiệu khởi kiện do tiến hành thủ tục hòa giải

#### **3.1.3. Bất cập trong việc khởi kiện vụ án ly hôn với người mất tích**

Hiện nay, theo quy định của BLTTDS thì tranh chấp về ly hôn là vụ án dân sự và được giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định tại Phần thứ hai của BLTTDS; còn yêu cầu tuyên bố mất tích là việc dân sự và được giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định tại Phần thứ năm của BLTTDS. Do đó, không thể giải quyết yêu cầu tuyên bố mất tích và ly hôn trong cùng một vụ án như

trước nữa. Một thực tế hiện nay, khi đương sự có đơn yêu cầu ly hôn với người biệt tích thì các Tòa án đều bắt buộc đương sự phải chờ đủ điều kiện về thời gian là vợ hoặc chồng của họ biệt tích hai năm liền trở lên và làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích trước, sau đó mới thụ lý giải quyết vụ án ly hôn và coi đó như là một trình tự bắt buộc.

#### **3.1.4. Nhưng bất cập về thẩm quyền của Tòa án**

*3.1.4.1. Việc xác định Tòa án giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận của các đương sự (Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự)*

- Điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS quy định: "Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các điều 25, 27, 29 và 31 của Bộ luật này". Nếu các bên đã có thỏa thuận như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS, thì có bắt buộc phải thực hiện đúng thỏa thuận đó không? Người khởi kiện - nguyên đơn có thể bỏ qua sự thỏa thuận đó để khởi kiện ở Tòa án có thẩm quyền theo các quy định khác ở Điều 35 và Điều 36 không?

*3.1.4.2. Về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn (điểm c khoản 1 Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự)*

Theo tinh thần của các quy định về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự ở các điều 35 và 36 BLTTDS thì nguyên đơn có thể là cá nhân hoặc cũng có thể là cơ quan, tổ chức (điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS quy định rất rõ ràng, nhưng các quy định tại khoản 1 Điều 36 lại thể hiện không đầy đủ câu chữ, mà chỉ là hiểu ngầm như quy định tại Điều 35, theo đó khi nói đến "nơi cư trú, làm việc" thì được hiểu nguyên đơn, bị đơn là cá nhân; nói đến "nơi có trụ sở" thì được hiểu nguyên đơn, bị đơn là cơ quan, tổ chức).

**3.1.5. Bất cập trong việc phân biệt địa vị tố tụng của hai chủ thể quyền khởi kiện là "cơ quan" và "tổ chức"**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 56: "Đương sự trong vụ án dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức..." gồm 3 loại chủ thể. Theo quy định tại Điều 1

BLTTDS thì: "Bộ luật Tố tụng dân sự quy định...; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, của cá nhân, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức)...". Với quy định này thì loại chủ thể "cơ quan" được làm rõ là "cơ quan nhà nước" và có thể thêm "đơn vị vũ trang nhân dân"; loại chủ thể "tổ chức" được làm rõ là "tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp".

### ***3.1.6. Bất cập trong việc xác định những tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự***

Hiện nay, Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 quy định: tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà một bên hoặc các bên đương sự không nhất trí thì thẩm quyền giải quyết được xác định theo hướng "Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết...". Vấn đề đặt ra là: cần phải hiểu thuật ngữ "tranh chấp về quyền sử dụng đất" thuộc thẩm quyền dân sự của Tòa án trong Điều luật này như thế nào cho đúng.

### **3.2. Những bất cập về thụ lý vụ án dân sự**

1. Sau khi ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu của đương sự đã rút, Quyết định đình chỉ nêu rõ thay đổi địa vị tố tụng đối với các đương sự, quyết định bị kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm chuyển hồ sơ đến cấp phúc thẩm giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định đình chỉ của cấp sơ thẩm nhưng không chuyển hồ sơ về để cấp sơ thẩm giải quyết đối với yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập của đương sự. Cấp phúc thẩm cho rằng vì giữ nguyên quyết định đình chỉ nên cấp phúc thẩm phải giữ hồ sơ để lưu trữ theo quy định. Như vậy, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập của đương sự được giải quyết như thế nào? Có ý kiến cho rằng nên photo hồ sơ để giao về cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết

yêu cầu phản tố. Có lẽ, cấp phúc thẩm cần nên giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để thụ lý lại và giải quyết theo thủ tục chung đối với yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập của đương sự. Việc giao hồ sơ phải được tuyên trong Quyết định phúc thẩm.

2. Trường hợp Quyết định đình chỉ không bị kháng cáo, kháng nghị, cấp sơ thẩm có được thụ lý lại vụ kiện hay không (thụ lý bằng một vụ kiện khác, thay đổi địa vị tố tụng, bị đơn trở thành nguyên đơn hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn).

### **3.3. Phương hướng hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong tố tụng dân sự Việt Nam**

#### ***3.3.1. Bổ sung thêm những quy định về khởi kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng***

Tại buổi thảo luận dự thảo Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng diễn ra tại nghị trường Quốc hội vào chiều 29/10/2010 đã có thông tin về việc Luật Bảo vệ người tiêu dùng sắp tới sẽ hướng đến việc giao quyền cho các tổ chức xã hội khởi kiện theo yêu cầu của người tiêu dùng hoặc vì mục đích công cộng nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng. Việc giao quyền cho các tổ chức xã hội khởi kiện theo yêu cầu của người tiêu dùng là cần thiết. Việc này phù hợp với thực tế hiện nay và phù hợp pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam chúng ta chưa có một tổ chức xã hội nào được quy định chức năng cụ thể rõ ràng trong việc đứng ra bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Và cũng không hề có bất kỳ một văn bản pháp luật nào quy định tổ chức, hay cơ quan nhà nước nào sẽ có quyền đại diện cho quyền lợi của người tiêu dùng để khởi kiện các doanh nghiệp đã vi phạm.

#### ***3.3.2. Bổ sung thêm quy định về chủ thể có quyền khởi kiện trong vụ án sở hữu trí tuệ***

Vấn đề nguyên đơn trong vụ kiện về quyền sở hữu trí tuệ cũng chưa được quy định trong bất kỳ văn bản pháp luật nào. BLTTDS năm 2004 chỉ quy định: "Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của

người đó bị xâm phạm. Cơ quan, tổ chức do Bộ luật này quy định khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách cũng là nguyên đơn". Nguyên đơn có các quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 1, Điều 59-BLTTDS.

Do pháp luật không quy định ai có quyền khởi kiện tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, dẫn đến trong thực tế người có quyền khởi kiện đôi khi bỏ mất quyền khởi kiện hoặc người không có quyền khởi kiện lại khởi kiện nên không được Tòa án giải quyết.

### ***3.3.3. Bổ sung những quy định về khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về môi trường***

Trong những năm gần đây, vấn đề vi phạm luật bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp là một trong những vấn đề nổi cộm mà đã tổn rất nhiều giấy mực của báo chí. Tuy nhiên, hiện nay cơ chế của pháp luật nội dung chưa thật cụ thể, cũng như những cơ chế khởi kiện quy định tại BLTTDS còn nhiều thiếu sót, đặc biệt là những quy định về việc thực hiện quyền khởi kiện trong các vụ đòi bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường, điều này đã làm cho quyền lợi của người dân không được đảm bảo mặc dù những thiệt hại về nhân thân và tài sản của họ đang diễn ra hàng ngày.

### ***3.3.4. Hoàn thiện chế định về chứng cứ, chứng minh trong tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho người dân thực hiện được quyền khởi kiện của mình***

Sau khi BLTTDS có hiệu lực pháp luật, trên cơ sở những quy định về chứng cứ, chứng minh trong tố tụng dân sự, dường như các Tòa án đã trút được một gánh nặng trong việc chứng minh làm rõ sự thật của vụ án với quan niệm các đương sự phải tự chứng minh cho quyền lợi của mình, nếu không tự chứng minh được sẽ bị Tòa án xử bác yêu cầu.

Do vậy, để đơn giản hóa các thủ tục tố tụng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc bảo vệ quyền lợi của mình thì cần hoàn thiện các quy định trên theo hướng nếu cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý chứng cứ của vụ án không cung cấp các tài liệu cần thiết và cũng không thông báo bằng văn bản cho đương sự về lý do của việc không cung cấp thì đương sự

có thể ngay lập tức yêu cầu sự can thiệp của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ.

## **KẾT LUẬN**

Quyền khởi kiện là một quyền năng cơ bản mà pháp luật thừa nhận đối với các chủ thể trong giao lưu dân sự, cũng như trong quá trình bảo vệ những quyền dân sự khác của chủ thể pháp luật, đặc biệt trong quá trình hội nhập ngày nay, khi mà các hành vi xâm phạm quyền dân sự của chủ thể pháp luật ngày càng đa dạng và nhiều phương thức hơn.

BLTTDS được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 15/06/2004, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2005 với chế định khởi kiện và thụ lý được kế thừa và đánh dấu bước phát triển lập pháp hoàn thiện hơn trong luật. Tuy nhiên, trong thực tế các chủ thể thực hiện quyền khởi kiện gặp rất nhiều khó khăn mà xuất phát từ thực trạng còn thiếu vắng các quy định của pháp luật. Ngay chính các quy định của BLTTDS về khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự mặc dù đã được sửa đổi cụ thể song còn tồn tại những quy định chung chung, còn có những khoảng trống trong luật chưa được điều chỉnh cụ thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật không được thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Song song với việc hoàn thiện toàn bộ hệ thống các quy định về tố tụng dân sự, việc "Hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong Tố tụng dân sự Việt Nam" sẽ góp một phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng hoạt động ngành tư pháp cũng như đảm bảo quyền khởi kiện cơ bản của công dân, là tiền đề để bảo vệ những quyền dân sự khác.

Do kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều, và điều kiện nghiên cứu còn nhiều khó khăn, việc tiếp cận nguồn tri thức chuyên sâu còn hạn chế, nên việc thực hiện luận văn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong nhận được sự thông cảm của quý thầy, cô giáo.